

HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THỦY SẢN VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 156/CV-VASEP

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 09 năm 2025

V/v NOAA Hoa kỳ từ chối công nhận tương đương 12 nghề khai thác của Việt Nam theo luật MMPA và đề xuất-kiến nghị của VASEP

Kính gửi: - Q.Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và MT Trần Đức Thắng
- Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và MT Phùng Đức Tiến

Đồng kính gửi: - Q.Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Lê Hoài Trung;
- Bộ trưởng Bộ Công Thương Nguyễn Hồng Diên;
- Hội đồng Tư vấn CCTTHC;
- Cục Thủy sản và Kiểm ngư.

Ngày 26/8/2025, Cục Quản lý Đại dương và khí quyển (NOAA), Bộ Thương mại Hoa Kỳ đã gửi công thư tới Cục Thủy sản và Kiểm ngư (Bộ Nông nghiệp và Môi trường) thông báo từ chối công nhận tương đương đối với 12 nghề khai thác hải sản của Việt Nam theo Đạo luật Bảo vệ thú biển (MMPA) của Hoa kỳ. Theo đó các loài hải sản khai thác theo các nghề cá này sẽ bị dừng nhập khẩu vào Hoa Kỳ kể từ ngày **01/01/2026**, trong đó có nhiều loài hải sản XK chủ lực của Việt Nam sang Mỹ như **cá ngừ, cá kiếm, cá mú, cá thu, cá đối, ghẹ, mực, cá nục....**

Ngày **03/9/2025**, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Phùng Đức Tiến đã chủ trì cuộc họp với các đơn vị để nghe báo cáo và có các chỉ đạo quan trọng về nội dung này. Ngày **08/9/2025**, Hiệp hội VASEP đã tổ chức cuộc họp trực tuyến với các doanh nghiệp hải sản hội viên để cập nhật thông tin, trao đổi và tổng hợp các ý kiến của DN liên quan đến thông báo mới của NOAA.

Trong thời gian qua, Việt Nam đã nỗ lực bổ sung tài liệu, cập nhật các quy định, và các hoạt động vận động ngoại giao... đã được triển khai tích cực, tuy nhiên thông báo mới đây của NOAA từ chối tương đương đối với 12 nghề khai thác của Việt Nam đang tạo ra cú sốc, tác động lớn đối với ngành hải sản khai thác, sinh kế của hàng trăm nghìn ngư dân, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp hàng trăm DN ngành hải sản và mục tiêu tăng trưởng của ngành thủy sản. Sự việc này thúc đẩy cần phải các biện pháp phối hợp khẩn cấp trước mắt và dài hạn từ Chính phủ và các Bộ ngành liên quan, hỗ trợ và đồng hành cùng với ngành hải sản khai thác khắc phục, tháo gỡ và khơi thông thị trường Mỹ cho sản phẩm hải sản khai thác, để hạn chế tối thiểu tác động hoặc tránh nguy cơ bị dừng XK từ 1/1/2026.

Xuất phát từ tình hình trên, Hiệp hội VASEP xin báo cáo và trân trọng đề xuất, kiến nghị một số nội dung sau:

I. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TƯƠNG ĐƯƠNG CỦA NOAA:

1. Kết quả đánh giá tương đương các nghề cá các nước theo MMPA

- Có **89** quốc gia nhận được kết quả tương đương cho tất cả các nghề cá xuất khẩu/miễn trừ, bao gồm trong đó một số nước cạnh tranh với Việt Nam như Ấn Độ, Thái Lan, Tây Ban Nha, Bờ Biển Ngà, Mauritius, Papua New Guinea, Nhật Bản, Fiji,...
- Có **34** quốc gia không được công nhận tương đương đối với một số nghề cá **trong đó có Việt Nam** và một số quốc gia cung cấp nguyên liệu cá ngừ, hải sản cho Việt Nam (như Trung Quốc, Indonesia, Philippines, Hàn Quốc, Đài Loan).
- **12** quốc gia không được công nhận tương đương với tất cả nghề cá, đáng chú ý trong số này có Nga, Venezuela.

*(Chi tiết danh sách tại **Phụ lục 1** đính kèm)*

2. Đánh giá tương đương đối với nghề cá Việt Nam:

Theo thông báo của NOAA, có 14 nghề cá Việt Nam được công nhận tương đương, gồm các loài khai thác mục tiêu như mực ống, cá cơm, cá trích lưới vây, cá ngừ mắt to, cá ngừ vây vàng, cá ngừ vằn, cá kiếm câu tay, cá thu lưới vây...

Bên cạnh đó, NOAA đưa ra thông báo danh mục 12 nghề cá Việt Nam bị từ chối tương đương, tập trung vào các nghề khai thác cá ngừ mắt to, cá ngừ vằn, cá ngừ vây vàng lưới vây, cá cờ, cá kiếm, cá nôi, cá thu, cá nục, cá mú, mực nang đánh bắt bằng **lưới rê và lưới cuốn**...

*(Tham khảo thêm danh mục các loài tại **Phụ lục 2** đính kèm)*

II. TÁC ĐỘNG VỚI XUẤT KHẨU HẢI SẢN CỦA VIỆT NAM

Theo đánh giá của các doanh nghiệp, việc từ chối tương đương đối với 12 nghề cá của Việt Nam chắc chắn sẽ ảnh hưởng nặng nề đến ngành thủy sản Việt Nam với các tác động trực tiếp và gián tiếp như sau:

1. Tác động trực tiếp:

- Sụt giảm mạnh kim ngạch XK hải sản, nguy cơ mất thị trường Mỹ đối với hải sản vì phần lớn các loài hải sản XK sang Mỹ thuộc các nghề cá không được công nhận tương đương, đồng nghĩa bị cấm XK sang Mỹ từ 01/01/2026.

Trong số các loại hải sản không được công nhận tương đương, **cá ngừ** là loài XK chủ lực và chiếm tỷ trọng lớn nhất. Tổng giá trị XK cá ngừ của Việt Nam sang các nước năm 2024 đạt gần **1 tỷ USD**, trong đó riêng XK sang thị trường Mỹ đạt **387 triệu USD**. Các loài khác cũng có giá trị XK đáng kể gồm: mực, cá thu, cá nục, cá mú, cá hồng...

- Tác động trực tiếp đến sinh kế và việc làm của hàng trăm nghìn ngư dân khai thác biển và công nhân trong các nhà máy.

*(Tham khảo thêm số liệu XNK hải sản Việt Nam tại **Phụ lục 3** đính kèm)*

2. Tác động gián tiếp:

- Tác động tiêu cực đến toàn chuỗi cung ứng thủy sản cũng như nguy cơ làm suy giảm uy tín thủy sản Việt Nam trên thị trường quốc tế.
- Giảm mạnh nguồn cung nguyên liệu được phép XK sang Mỹ: Nhiều nước cung cấp nguyên liệu hải sản cho Việt Nam cũng bị từ chối tương đương (Philippin, Indonesia, Malaysia, Hàn Quốc, Đài Loan...) càng làm giảm nguồn nguyên liệu được phép XK sang Mỹ.

Như mặt hàng chủ lực là cá ngừ ước tính khoảng 70% kim ngạch XK hàng năm là từ nguồn cung nguyên liệu nhập khẩu để chế biến XK. Đối với XK cá ngừ sang Mỹ, con số đó khoảng 75-80%.

- Hải sản khai thác của Việt Nam bị suy yếu năng lực cạnh tranh đối với các quốc gia, quốc đảo đã được Mỹ công nhận tương đương như **Thái Lan và các quốc đảo**.
- Ảnh hưởng đến hình ảnh quốc gia trong lĩnh vực bảo tồn, phát triển môi trường bền vững.
- Các cơ chế, thông tin liên quan đến việc áp dụng lệnh cấm XK từ ngày **1/1/2026** chưa rõ ràng, gây tâm lý lúng túng và quan ngại lớn cho cộng đồng doanh nghiệp, ngư dân, ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất, kinh doanh cũng như tăng trưởng của Ngành.

III. ĐỀ XUẤT – KIẾN NGHỊ

Trước tình hình cấp bách và tác động nghiêm trọng của MMPA và nguy cơ bị cấm XK từ ngày 1/1/2026, Hiệp hội VASEP và các DN hải sản khai thác xin báo cáo, kiến nghị một số nội dung sau đây:

Báo cáo, kiến nghị với Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

a. Về giải pháp trước mắt:

- Báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đề nghị Thủ tướng giao Bộ Ngoại giao tìm kiếm và chủ trì **thuê tư vấn Mỹ** (chuyên gia có uy tín, luật sư hoặc cán bộ NOAA về hưu) để hỗ trợ Việt Nam thực hiện các công việc cần thiết, nhằm giải quyết cả các vấn đề kỹ thuật và vận động tại Hoa Kỳ;
- Chủ trì thành lập **tổ công tác liên ngành** (với sự tham gia của Bộ Ngoại giao, Bộ Công Thương và Hiệp hội ngành hàng) để rà soát toàn diện hồ sơ nghề cá, xây dựng kế hoạch ứng phó tổng thể với phán quyết của NOAA;
- Thực hiện rà soát và hoàn thiện các quy định, chính sách về quản lý nghề cá, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến việc giám sát và báo cáo tình trạng đánh bắt ngẫu nhiên thú biển để chuẩn bị các nội dung kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu của NOAA ghi rõ trong công thư ngày 26/8/2025 gửi Cục Thủy sản và Kiểm ngư – nhằm chuẩn bị cho việc đề nghị đánh giá lại sau ngày 01/01/2026;
- Trao đổi với NOAA **đề nghị NOAA làm rõ** và hướng dẫn cụ thể nhiều vấn đề liên quan đến hồ sơ, chứng từ, cơ chế, thời hạn, danh mục sản phẩm mà Ngành hàng và cộng đồng DN đang rất quan tâm và lúng túng (Chi tiết tại **Phụ lục 4** kèm theo);
- Phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công Thương trao đổi làm việc với NOAA để cung cấp **các hỗ trợ kỹ thuật cụ thể** (như hướng dẫn quy trình tuân thủ, đào tạo giám sát đánh bắt ngẫu nhiên,...), và đề nghị cơ chế chuyển tiếp hoặc giảm nhẹ tác động đối với các loài hải sản chủ lực của Việt Nam.

b. Về giải pháp dài hạn:

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật từ Hoa Kỳ và các tổ chức quốc tế về giám sát và bảo tồn thú biển.
- Đầu tư nâng cấp hệ thống quan trắc, dữ liệu, thiết bị giảm thiểu đánh bắt ngẫu nhiên thú biển và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ giám sát, thực thi.

- Tuyên truyền, đào tạo cho ngư dân về phòng chống đánh bắt ngẫu nhiên thú biển.

Báo cáo, kiến nghị với Bộ Ngoại giao:

- Chỉ đạo Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ việc thuê một chuyên gia tư vấn để hỗ trợ cho nội dung quan trọng này;
- Tổ chức vận động qua các kênh ngoại giao, chính quyền, các hiệp hội và nhà nhập khẩu Hoa Kỳ để đề nghị Hoa Kỳ xem xét các hồ sơ tương đương mà Việt Nam sẽ bổ sung, cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật và cho phép cơ chế chuyển tiếp hoặc giảm nhẹ tác động đối với các loài hải sản chủ lực của Việt Nam, lồng ghép nội dung này vào các cơ chế đối thoại song phương Việt Nam-Hoa Kỳ.

Báo cáo, kiến nghị với Bộ Công Thương:

- Phối hợp cùng Bộ Ngoại giao, tổ chức vận động qua các kênh để đề nghị Hoa Kỳ xem xét các hồ sơ tương đương mà Việt Nam sẽ bổ sung, cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật và cho phép cơ chế chuyển tiếp hoặc giảm nhẹ tác động đối với các loài hải sản chủ lực của Việt Nam.
- Hỗ trợ Hiệp hội và các DN hải sản việc kết nối mở rộng bạn hàng tại Hoa kỳ cũng như tìm kiếm các thị trường thay thế, đa dạng hóa nguồn cung ứng nguyên liệu phù hợp nhằm giảm thiểu tác động của việc gián đoạn xuất khẩu.

Hiệp hội VASEP cùng các doanh nghiệp hội viên trân trọng báo cáo và cam kết tiếp tục đồng hành, phối hợp chặt chẽ cùng Chính phủ và các Bộ ngành triển khai các hoạt động cần thiết kể trên để hỗ trợ DN thích ứng, vượt qua các rào cản thị trường.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Hợp tác quốc tế (Bộ NNMT);
- Cục XNK (Bộ Công Thương);
- Ban Thường vụ HH;
- BCH và BKT HH;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VP HH.

**TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI
TỔNG THƯ KÝ**



Nguyễn Hoài Nam

Phụ lục 1. Kết quả đánh giá tương đương của NOAA đối với nghề cá các nước
(kèm theo công văn số 156/CV-VASEP ngày 10/9/2025)

	Danh sách 1: Các quốc gia được công nhận tương đương cho tất cả các nghề cá xuất khẩu/miễn trừ	Danh sách 2: Các quốc gia bị từ chối tương đương đối với một số nghề cá	Danh sách 3: Các quốc gia bị từ chối tương đương cho tất cả các nghề cá
1.	Albania	Bangladesh	Bénin
2.	Antigua và Barbuda	Brazil	Grenada
3.	Argentina	Cameroon	Guinea
4.	Úc	Chile	Haiti
5.	Bahamas	Trung Quốc	Iran
6.	Bahrain	Colombia	Namibia
7.	Barbados	Ecuador	New Caledonia
8.	Bi	El Salvador	Nga
9.	Belize	Ghana	Thánh Lucia
10.	Bermuda	Indonesia	Gambia
11.	Brunei	Ai-len	Togo
12.	Bulgaria	Kenya	Venezuela
13.	Campuchia	Liberia	
14.	Canada	Madagascar	
15.	Cape Verde	Malaysia	
16.	Quần đảo Cook	Mauritania	
17.	Costa Rica	Mexico	
18.	Côte d'Ivoire (Bờ Biển Ngà)	Mozambique	
19.	Croatia	Myanmar (Miến Điện)	
20.	Síp	Nigeria	
21.	Đan Mạch	Ô-man	
22.	Cộng hòa Dominica	Peru	
23.	Ai Cập	Philippines	
24.	Estonia	Ả Rập Xê Út	
25.	Quần đảo Falkland	Senegal	
26.	Quần đảo Faroe	Somalia	
27.	Liên bang Micronesia	Hàn Quốc	

28.	Fiji	Sri Lanka	
29.	Phần Lan	St. Kitts và Nevis	
30.	Pháp	Suriname	
31.	Pháp – Thánh Pierre Miquelon	Đài Loan	
32.	Polynésie thuộc Pháp	Thổ Nhĩ Kỳ	
33.	Vùng đất phía Nam và Nam Cực của Pháp	Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất	
34.	Georgia	Việt Nam	
35.	Đức		
36.	Hy Lạp		
37.	Greenland		
38.	Guatemala		
39.	Guyana		
40.	Honduras		
41.	Hồng Kông		
42.	Iceland		
43.	Ấn Độ		
44.	Israel		
45.	Ý		
46.	Jamaica		
47.	Nhật Bản		
48.	Kiribati		
49.	Latvia		
50.	Litva		
51.	Maldives		
52.	Malta		
53.	Quần đảo Marshall		
54.	Mauritius		
55.	Ma-rốc		
56.	Nauru		
57.	Hà Lan		

58.	New Zealand		
59.	Nicaragua		
60.	Na Uy		
61.	Pakistan		
62.	Palau		
63.	Panama		
64.	Papua New Guinea		
65.	Ba Lan		
66.	Bồ Đào Nha		
67.	Saint Helena/Tristan da Cunha (Anh)		
68.	Samoa		
69.	Seychelles		
70.	Sierra Leone		
71.	Singapore		
72.	Slovenia		
73.	Quần đảo Solomon		
74.	Nam Phi		
75.	Tây ban nha		
76.	St. Vincent và Grenadines		
77.	Thụy Điển		
78.	Tanzania		
79.	Thái Lan		
80.	Tonga		
81.	Trinidad và Tobago		
82.	Tunisia		
83.	Quần đảo Turks và Caicos		
84.	Tuvalu		
85.	Ukraina		
86.	Vương quốc Anh		
87.	Uruguay		

88.	Vanuatu		
89.	Yemen		

Phụ lục 2. Kết quả đánh giá tương đương của NOAA đối với nghề cá Việt Nam
(kèm theo công văn số 156/CV-VASEP ngày 10/9/2025)

Danh mục các nghề cá Việt Nam được công nhận tương đương				
STT	Mã số	Loài mục tiêu	Ngư cụ sử dụng	Khu vực hoạt động
1	2936, 2978, 2993 (Chưa xác định do Không có thông tin trong tài liệu)			
4	2979	Các loại mực ống không xác định (nei*)	Lưới chụp (Bề mặt), lưới kéo đơn và/hoặc lưới kéo đôi (Tầng đáy)	Vùng đặc quyền kinh tế (EEZ), (FAO:61, FAO:71), các vùng ven bờ, trong bờ và ngoài khơi, các vùng phía bắc và trung
5	2984	Cá cơm (nei), cá trích/cá mòi (nei)	Lưới vây (Bề mặt)	EEZ, (FAO:61, FAO:71), Nam Long Châu, Bắc Hòn Mê, Cửa Vịnh Bắc Bộ, các vùng phía bắc và trung
6	2985	Cá ngừ mắt to, cá ngừ vây vàng	Câu tay và câu cần tay (Tầng giữa)	EEZ, (FAO:61, FAO:71), các vùng ngoài khơi, EEZ Việt Nam
7	2986	Bạch tuộc (nei)	Lồng bẫy bạch tuộc (Tầng đáy)	EEZ, (FAO:61, FAO:71), các vùng ven bờ, trong bờ
8	2987	Cá cơm (nei), cá trích/cá mòi (nei)	Lưới vây (Tầng nổi)	EEZ, (FAO:61, FAO:71), các vùng ven bờ, trong bờ
9	2989	Cá chình biển (nei)	Lưới kéo đơn và/hoặc lưới kéo đôi (Tầng đáy)	EEZ, (FAO:61, FAO:71), các vùng trong bờ
10	3053	Cá ngừ mắt to, cá ngừ vây xanh Thái Bình Dương, cá ngừ vằn, cá kiểm, cá ngừ vây vàng	Câu tay và câu cần tay (Tầng giữa), câu vàng (không xác định), (Tầng giữa)	EEZ, (FAO:61, FAO:71), các vùng ngoài khơi, các tỉnh miền trung, EEZ Việt Nam
11	3055	Tôm biển (nei)	Lưới kéo rà (không xác định), (Đáy)	EEZ, (FAO:61, FAO:71), vùng trong bờ
12	3058	Cá thu (nei), cá ngừ (nei)	Lưới vây (Tầng nổi)	EEZ, (FAO:61, FAO:71), các vùng trong bờ và ngoài khơi (các vùng phía bắc, trung, nam)
13	3059	Các loại mực ống (nei)	Câu tay và câu cần tay (Tầng giữa), lưới vây (Tầng nổi), lưới kéo đơn và/hoặc lưới kéo đôi (Tầng đáy)	EEZ, (FAO:61, FAO:71), các vùng trong bờ và ngoài khơi
14	3061	Cá tráp cam	Lưới kéo đơn và/hoặc lưới kéo đôi (Đáy)	EEZ, (FAO:61, FAO:71), không cung cấp khu vực cụ thể

Danh mục 12 nghề cá Việt Nam bị trừ chối tương đương				
STT	Mã số	Loài mục tiêu	Ngư cụ sử dụng	Khu vực hoạt động
1	2932	Cá mú (không xác định cụ thể - nei*)	Lưới rê và lưới cuốn (không xác định), (tầng đáy); Lưới kéo đơn và/hoặc lưới kéo đôi (tầng đáy)	Vùng đặc quyền kinh tế (EEZ), (FAO:61, FAO:71), EEZ Việt Nam, các vùng biển phía bắc, trung, và nam
2	2988	Ghẹ/cua bơi	Lưới rê và lưới cuốn (không xác định), (tầng đáy); Lưới kéo đơn và/hoặc lưới kéo đôi (tầng đáy); Lưới bẫy/lưới cố định (tầng đáy)	EEZ, (FAO:61, FAO:71), các vùng ven biển miền trung và nam
3	2990	Mực nang, cá tầng đáy, cá bơn, cá mú, cá đối, cá hồng, cá lưỡi trâu (tất cả đều không xác định cụ thể)	Lưới rê và lưới cuốn (không xác định), (tầng đáy); Lưới câu dài (không xác định), (tầng đáy); Lưới kéo đơn và/hoặc lưới kéo đôi (tầng đáy)	EEZ, (FAO:61, FAO:71), các vùng ven bờ và ngoài khơi, các vùng biển phía bắc, trung, và nam
4	2991	Cá nục heo	Lưới rê và lưới cuốn (không xác định), (tầng nổi); Lưới câu dài (không xác định), (tầng nổi)	EEZ, (FAO:61, FAO:71), các vùng ngoài khơi
5	2992	Tôm hùm	Lưới rê và lưới cuốn (không xác định), (đáy)	EEZ, (FAO:61, FAO:71), các vùng ven biển miền trung
6	2994	Cá thu	Lưới rê và lưới cuốn (không xác định), (tầng nổi); Lưới vây (tầng nổi)	EEZ, (FAO:61, FAO:71), các vùng ven bờ và ngoài khơi, các vùng biển phía bắc, trung, và nam
7	3051	Cá thu	Lưới rê và lưới cuốn (không xác định), (tầng nổi); Lưới vây (tầng nổi)	EEZ, (FAO:61, FAO:71), các vùng ven bờ và ngoài khơi, các vùng biển phía bắc, trung, và nam
8	3052	Cá đối	Lưới rê và lưới cuốn (không xác định), (tầng đáy)	EEZ, (FAO:61, FAO:71), các vùng ven bờ, các vùng biển phía bắc, trung, và nam
9	3054	Cá thu	Lưới rê và lưới cuốn (không xác định), (tầng giữa)	EEZ, (FAO:61, FAO:71), các vùng ngoài khơi, các vùng biển phía bắc, trung, nam, EEZ Việt Nam
10	3057	Cá nỏ , Cá ngừ	Lưới rê và lưới cuốn (không xác định), (tầng nổi)	EEZ, (FAO:61, FAO:71), các vùng ven bờ và ngoài khơi, các vùng biển phía bắc, trung, và nam
11	13124	Cá ngừ mắt to, cá ngừ vằn, cá ngừ vây vàng	Lưới rê và lưới cuốn (không xác định), (tầng giữa); Lưới vây (bề mặt)	EEZ, (FAO:61, FAO:71), EEZ Việt Nam, các vùng biển phía bắc, trung, và nam
12	13125	Cá cờ, cá bướm , cá kiếm	Lưới rê và lưới cuốn (không xác định), (tầng giữa); Câu tay và câu vàng (tầng giữa)	EEZ, (FAO:61, FAO:71), EEZ Việt Nam, các vùng biển phía bắc, trung, và nam

Phụ lục 3. Thống kê xuất nhập khẩu hải sản Việt Nam

(kèm theo công văn số 156/CV-VASEP ngày 10/9/2025)

Xuất khẩu các loài hải sản (từ 12 nghề cá bị từ chối tương đương) sang các nước (ĐVT: triệu USD)								
Loài	2023	2024	Tỷ trọng (%)	Tăng giảm (%)	T1-T7/2024	T1-T7/2025	Tỷ trọng (%)	Tăng giảm (%)
Cá bơn	20,071	13,310	0,6	-34	8,473	7,861	0,5	-8
Cá cò	8,333	7,129	0,3	-14	3,835	4,890	0,3	22
Cá đối	2,192	1,531	0,1	-30	1,013	1,484	0,1	32
Cá hồng	8,918	10,503	0,5	18	5,882	5,736	0,4	-3
Cá kiếm	1,801	1,814	0,1	1	1,397	1,223	0,1	-14
Cá mú	19,442	19,225	0,9	-1	11,538	16,756	1,1	31
Cá ngừ	845,092	988,774	45,3	17	558,052	541,586	36,0	-3
Cá thu	40,853	44,346	2	9	24,631	30,146	2,0	18
Cua	121,904	240,758	11	97	116,236	162,978	10,8	29
Ghẹ	83,148	81,139	3,7	-2	39,469	36,388	2,4	-8
Mực	364,943	360,180	16,5	-1	187,979	232,620	15,5	19
Tôm hùm	143,466	411,844	18,9	187	149,953	461,200	30,7	67
Tổng Hải sản	1.660,165	2.180,553	100	31	1.108,458	1.502,868	100,0	26

Xuất khẩu các loài hải sản (từ 12 nghề cá bị từ chối tương đương) sang Mỹ (ĐVT: triệu USD)								
Loài	2023	2024	Tỷ trọng trong tổng XK TG (%)	Tăng giảm (%)	7T/2024	7T/2025	Tỷ trọng trong tổng XK TG (%)	Tăng giảm (%)
Cá bơn	5,090	2,821	21,2	-45	1,944	2,305	29,3	19
Cá cò	1,862	0,874	12,3	-53	0,390	1,407	28,8	261
Cá đối	0,517	0,365	23,9	-29	0,245	0,278	18,8	13
Cá hồng	6,692	7,352	70,0	10	4,265	4,382	76,4	3
Cá kiếm	1,784	1,790	98,7	0	1,397	1,223	100,0	-12
Cá mú	9,813	11,063	57,5	13	6,933	11,603	69,2	67
Cá ngừ	326,607	387,643	39,2	19	206,178	204,785	37,8	-1
Cá thu	5,707	5,432	12,2	-5	3,658	4,063	13,5	11
Cua	10,040	11,598	4,8	16	5,064	5,607	3,4	11
Ghẹ	62,757	63,265	78,0	1	30,006	27,718	76,2	-8
Mực	13,356	17,121	4,8	28	9,210	12,861	5,5	40

Xuất khẩu các loài hải sản (từ 12 nghề cá bị từ chối tương đương) sang Mỹ (ĐVT: triệu USD)								
Loài	2023	2024	Tỷ trọng trong tổng XK TG (%)	Tăng giảm (%)	7T/2024	7T/2025	Tỷ trọng trong tổng XK TG (%)	Tăng giảm (%)
Tôm hùm	0,966	2,230	0,5	131	0,788	1,285	0,3	63
Tổng hải sản	445,192	511,553	23,5	15	270,078	277,517	18,5	3

Các nguồn cung các loài hải sản cho Việt Nam									
STT	Xuất xứ	2023	Tỷ trọng (%)	2024	Tỷ trọng (%)	T1-T7/2024	Tỷ trọng (%)	T1- T7/2025	Tỷ trọng (%)
1	Indonesia	188,678	16	314,562	25	150,797	22	260,849	32
2	Đài Loan	117,335	10	156,887	13	96,184	14	80,173	10
3	Trung Quốc	100,535	9	133,962	11	71,164	10	66,673	8
4	Nga	44,037	4	72,377	6	36,973	5	47,666	6
5	Hàn Quốc	72,883	6	61,097	5	34,818	5	40,474	5
6	Australia	83,292	7	43,505	3	0,000	0	0,000	0
7	Canada	39,075	3	43,241	3	22,946	3	17,391	2
8	Ấn Độ	47,245	4	41,873	3	24,495	4	25,320	3
9	Nhật Bản	56,241	5	37,305	3	19,760	3	30,436	4
10	Nauru	19,214	2	34,207	3	26,954	4	20,245	2
11	Oman	35,213	3	33,611	3	8,340	1	13,903	2
12	Philippines	35,358	3	33,335	3	19,413	3	23,982	3
13	Na Uy	36,587	3	32,196	3	22,946	3	17,391	2
14	Vanuatu	18,044	2	20,576	2	11,998	2	6,479	1
15	Micronesia	35,653	3	18,276	1	7,036	1	13,888	2
16	Mỹ	21,238	2	16,888	1	5,821	1	15,455	2
Các nước khác		231,667	20	153,447	12	118,458	17	145,961	18
Tổng		1.182,296	100	1.247,343	100	678,103	100	826,288	100

Phụ lục 4

DANH MỤC CÁC CÂU HỎI CẦN LÀM RÕ VỚI NOAA LIÊN QUAN ĐẾN MMPA VÀ VIỆC XK HẢI SẢN SANG HOA KỲ

(kèm theo công văn số 156/CV-VASEP ngày 10/9/2025)

Dưới đây là một số vấn đề và thắc mắc mà DN hải sản khai thác quan tâm, mong đợi được Bộ NNMT trao đổi và đề nghị NOAA làm rõ cho DN:

- 1) Hồ sơ, chứng từ cần thiết cho các lô hàng XK sang Hoa Kỳ sau ngày 01/01/2026?
- 2) Lệnh cấm áp dụng cho các lô hàng đến Hoa Kỳ vào hoặc sau ngày 01/01/2026, các lô hàng đã trên đường vận chuyển trước ngày đó vẫn được chấp nhận?
- 3) Liệu NOAA có chấp nhận thông tin mới hoặc thông tin giải trình từ các quốc gia trước ngày 1/1/2026 hay không?
- 4) Các khu vực riêng biệt trong một quốc gia có thể nộp đơn xin đánh giá tương đương từ NOAA hay toàn bộ quốc gia cần phải tuân thủ?
- 5) Nếu sản phẩm được đánh bắt bằng ngư cụ tuân thủ MMPA tại một quốc gia nơi ngư cụ không tuân thủ cũng được sử dụng, làm thế nào để lô hàng đó có được giấy chứng nhận hợp lệ để NK?
- 6) Nếu thông tin mới được cung cấp cho NOAA vào hoặc trước ngày 01/01/2026, NOAA sẽ mất bao lâu để đưa ra quyết định đánh giá tương đương mới?
- 7) Nguyên liệu thô từ một ngư trường đã được cấp chứng nhận tương đương có thể được chế biến tại một quốc gia đang chịu lệnh cấm NK hay không, và sản phẩm đó cần được dán nhãn như thế nào để được phép NK vào Hoa Kỳ? Quy trình chứng minh nguồn gốc cho lô hàng sản xuất từ nguyên liệu nhập khẩu?
- 8) Đề nghị làm rõ phạm vi của lệnh cấm? Ví dụ, lệnh cấm ghi "mực nang" (cuttlefish), vậy "mực ống" (squid) và "bạch tuộc" (octopus) có bị ảnh hưởng không?
- 9) Làm thế nào để chứng minh một lô hàng được khai thác bằng ngư cụ không bị cấm?
- 10) Nếu một ngư cụ bị cấm (lưới vây) nhưng dùng để đánh bắt một loài không nằm trong danh mục mục tiêu (ví dụ cá bò), thì lô hàng đó có được xuất khẩu không?
- 11) Đề nghị làm rõ vì sao *cá cò kiếm (swordfish)* vừa nằm trong danh sách được công nhận, vừa nằm trong danh sách không được công nhận?

----- oOo -----